

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
(Kèm theo Đề án số 14-ĐA/TU, ngày 09/6/2025 của Tỉnh ủy Lai Châu)

STT	Chức vụ chức danh	Tổng số	Trong đó		Trình độ																	
			Dân tộc	Nữ	Văn hóa		Chuyên môn					LLCT				QLNN			Tin học		Ngoại ngữ	
					THCS	THPT	CQĐT	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	CQĐT	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp, cử nhân	CQĐT	Chuyên viên	Chuyên viên chính	CQĐT	Đã đào tạo (Chứng chỉ, bằng)	CQĐT	Đã đào tạo (Chứng chỉ, bằng)
	TỔNG CB, CC	2081	1639	592	16	2065	1	266	27	1734	53	175	97	1632	177	305	1681	95	74	2007	754	1327
A	CÁN BỘ	1131	935	255	11	1120	1	157	13	912	48	1	4	951	175	124	914	93	48	1083	354	777
	ĐẢNG	206	145	25	1	205		24	1	154	27			107	99	14	142	50	1	205	44	162
1	Bí thư Đảng ủy	103 ⁽¹⁾	61	10	1	102		13		66	24			29	74	8	57	38	1	102	16	87
2	Phó Bí thư TT Đảng ủy	103 ⁽²⁾	84	15		103		11	1	88	3			78	25	6	85	12		103	28	75
	CHÍNH QUYỀN	416	327	49		416		42		354	20			344	72	25	356	35	17	399	110	306
1	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND	102	69	6		102		7		82	13			46	56	4	72	26	11	91	14	88
2	Chủ tịch HĐND	5	3			5		1		3	1			3	2		4	1		5	1	4
3	Phó Chủ tịch HĐND	104	94	20		104		21		82	1			104		9	93	2	2	102	36	68
4	Phó Chủ tịch UBND	205	161	23		205		13		187	5			191	14	12	187	6	4	201	59	146
	ĐOÀN THỂ	509	463	181	10	499	1	91	12	404	1	1	4	500	4	85	416	8	30	479	200	309
1	Chủ tịch MTTQ	103	94	24	1	102	1	15	2	85				101	2	14	88	1	3	100	40	63
2	Chủ tịch Hội ND	100	88	20		100		16	2	82				99	1	10	89	1	1	99	39	61
3	Chủ tịch Hội LHPN	103	93	103	1	102		7		96		1		102		13	88	2	12	91	33	70
4	Bí thư Đoàn TN	101	93	34		101		10	7	83	1		2	99		20	79	2	4	97	43	58
5	Chủ tịch Hội CCB	102	95		8	94		43	1	58			2	99	1	28	72	2	10	92	45	57
B	CÔNG CHỨC	950	704	337	5	945		109	14	822	5	174	93	681	2	181	767	2	26	924	400	550
1	Văn phòng - TK	202	158	75		202		26	1	173	2	32	13	157		40	161	1	5	197	84	118
2	Tài chính - Kế toán	109	52	71		109		7	2	99	1	24	18	67		19	90		4	105	34	75
3	Tư pháp- Hộ tịch	169	140	56	2	167		25	2	141	1	24	17	127	1	34	135		2	167	73	96
4	Văn hóa xã hội	163	129	75	1	162		7	3	153		39	19	104	1	27	136		3	160	79	84
5	Địa chính - XD	208	141	51	2	206		17	2	188	1	45	25	138		37	171		6	202	77	131
6	Chỉ huy trưởng Quân sự	99	84	9		99		27	4	68		10	1	88		24	74	1	6	93	53	46

Ghi chú: (1) Xã Huổi Luông và xã Bản Lang huyện Phong Thổ, 02 xã có Bộ đội Biên phòng tăng cường làm Bí thư Đảng ủy; Bí thư xã Nậm Mạnh huyện Nậm Nhùn đang khuyết.
(2) Phó Bí thư Đảng ủy xã đang khuyết: Xã Pắc Ta huyện Tân Uyên, xã Nậm Xe huyện Phong Thổ, xã Lê Lợi huyện Nậm Nhùn.